TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2017/DS–ST
Ngày 04 - 10 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chót
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2017/TLST - DS ngày 09 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2469/2017/QĐST - DS ngày 05/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135A/2017/QĐST- DS ngày 21/9/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim H, sinh năm 1970. Địa chỉ: 124/2 ấp GHB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1979. Địa chỉ: 43/2 ấp GHB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Minh P, sinh năm: 1977. Địa chỉ: 43/2 ấp GHB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968. Ông H ủy quyền cho bà Phan Thị Kim H. Địa chỉ: 124/2 ấp GHB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phan Thị Kim H đồng thời được sự ủy quyền của ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2013 bà có làm chủ hụi, bà B là hụi viên có tham gia nhiều dây hụi, do thời gian quá lâu nên bà không nhớ cụ thể từng dây hụi, ngoài chơi hụi bà B có thỏa thuận vay tiền của bà. Đến ngày 08/5/2015 âm lịch thì bà và bà B có

tổng kết nợ hụi và tiền vay thì bà B nợ bà tổng cộng 104.650.000 đồng, bà B có viết và ký tên vào biên nhận nợ ngày 08/5/2015 âm lịch cho bà.

Sau khi tổng kết nợ bà B có tham gia thêm một dây hụi khui ngày 15/6/2015 âm lịch, ngày mãng hụi ngày 25/4/2017 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng, gồm 23 phần, bà B hốt hụi tháng đầu tiền với số tiền 51.300.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào số tiền 104.650.000 đồng, nợ lại 53.350.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà B có đóng hụi đến tháng 10/2016 âm lịch và còn nợ lại bà 20.000.000 đồng tiền hụi chết (do tháng 10 đóng 1.000.000 đồng). Tổng cộng bà B còn nợ bà 73.350.000 đồng.

Bà thừa nhận trước đây bà B tham gia các hụi thì bà có cho ký tên vào tất cả các danh sách hụi viên tham gia nhưng chỉ có dây 15/6/2015 âm lịch thì bà B không có ký tên, do dây hụi này bà B nhờ bà chơi dùm. Việc bà B nhờ bà chơi dùm dây hụi ngày 15/6/2015 âm lịch thì bà không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án, bà chỉ có nhờ những hụi viên xác nhận có tham gia dây hụi nêu trên. Ông P là chồng bà B biết do bà B chơi hụi về lo phát triển kinh tế gia đình nên ông P có cùng sử dụng số tiền nêu trên. Ngoài ra tiền bà B nợ bà là tiền chung của bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn H.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà đồng ý giảm bớt số tiền 73.350.000 đồng – 8.350.000 đồng = 65.000.000 đồng. Do đó bà xin rút yêu cầu khởi kiện của số tiền 8.350.000 đồng.

Tại phiên tòa bà yêu cầu bà Lê Thị Ngọc B và ông Lê Minh P liên đới trả cho bà và ông H số tiền 65.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Lê Thị Ngọc B trình bày:

Bà thừa nhận bản gốc giấy xác nhận nợ ngày 08/5/2015 là do bà viết và ký tên, tính đến ngày 08/5/2015 bà còn nợ bà H 104.650.000 đồng. Lúc đó bà có cam kết mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ. Thực hiện theo thỏa thuận bà có trả cho bà H 16 tháng với số tiền 46.000.000 đồng, nợ lại 58.650.000 đồng. Việc bà trả tiền cho bà H 16 tháng với số tiền 46.000.000 đồng, nợ lại 58.650.000 đồng do không có làm giấy tờ gì nên bà không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Bà H cho rằng bà có chơi dây hụi khui ngày 15/6/2015 âm lịch, ngày mãng hụi ngày 25/4/2017 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng, gồm 23 phần, bà hốt hụi tháng đầu tiền với số tiền 51.300.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào số tiền 104.650.000 đồng, nợ lại 53.350.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà có đóng hụi đến tháng 10/2016 âm lịch và còn nợ lại bà 20.000.000 đồng tiền hụi chết (do tháng 10 đóng 1.000.000 đồng) thì việc này bà không đồng ý.

Bà thừa nhận mục đích chơi hụi và vay tiền về sử dụng chung trong gia đình là nuôi tôm công nghiệp nên chồng bà là anh P biết rõ. Tuy nhiên do bận công việc nên anh P không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có đồng ý giảm bớt cho bà số tiền 8.350.000 đồng, còn nợ lại 65.000.000 đồng, bà có hứa trả trong vòng 4 tháng. Tuy nhiên, sau khi về chồng bà không đồng ý cách thỏa thuận nêu trên vì thực tế bà và anh P nợ bà H 58.650.000 đồng. Do đó tại phiên tòa bà H yêu cầu bà và

anh P giao trả 65.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà và ông P đồng ý trả cho bà H, ông H 58.650.000 đồng nhưng xin bà H cho kéo dài thời gian trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc B hiện đăng ký hộ khẩu tại 43/4 ấp GHB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu bà B và ông P liên đới giao trả cho bà và ông H số tiền 65.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà B thừa nhận bà và ông P có trách nhiệm trả cho bà H, ông H số tiền 58.650.000 đồng nhưng xin được kéo dài thời gian trả nợ;

[4] Tài liệu chứng cứ do bà H, bà B thừa nhận biên nhận nợ ngày 08/5/2015 âm lịch, đồng thời bà H thừa nhận có nhận của bà B 46.000.000 đồng nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với dây hụi khui ngày 15/6/2015 thì bà B không thừa nhận có tham gia dây hụi này, đồng thời trong danh sách người chơi hụi bà H cung cấp thì các hụi viên có ký tên nhưng bà B không có ký tên; bà H và người làm chứng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc bà B có nhờ bà H chơi hụi dùm và nợ bà H số tiền 20.000.000 đồng của dây hụi khui ngày 15/6/2015. Xét thấy mặc dù hợp đồng góp hụi và vay tài sản giữa bà H và bà B là do hai bên thỏa thuận nhưng được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và tuân theo quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện bà B đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Do bà H không cung cấp được nên ông, bà phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo qui định các Điều 7, 91, 93, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Lẽ đó cần chấp nhận cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà B, ông P trả 58.650.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà B, ông P phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà và ông H số tiền 58.650.000 đồng. Xét thấy: Mặc dù ông P không trực tiếp chơi hụi với bà H nhưng mục đích bà B chơi hụi về lo phát triển kinh tế gia đình và sử dụng chung trong gia đình. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần buộc ông Lê Minh P có trách nhiệm liên đới với bà Lê Thị Ngọc B để trả cho bà H và ông H số tiền 58.650.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của bà Trần Thị B: Bà B hốt hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Phan Thị Kim H. Hiện bà B cũng không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn và tại phiên tòa thì nguyên đơn bà H cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của bà B nên yêu cầu trả nợ dần của bà B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.350.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này của bà H là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Bà Lê Thị Ngọc B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: 5% x 58.650.000 đồng = 2.932.500 đồng.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim H. Buộc bà Lê Thị Ngọc B và ông Lê Minh P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H số tiền 58.650.000 đồng (Năm mươi tám triệu, sáu trăm năm chục ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim H về việc yêu cầu bà Lê Thị Ngọc B và ông Lê Minh P liên đới trả số tiền 8.350.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc B và anh Lê Minh P phải liên đới nộp 2.932.500 đồng (Hai triệu, chín trăm, ba mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Bà Phan Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H phải liên đới nộp 317.500 đồng (Ba trăm, mười bảy ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.834.000 đồng (một triệu, tám trăm, ba mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010617 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Bà Phan Thị Kim H được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 1.516.500 đồng
(một triệu năm trăm mười sáu ngàn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
-*VKSND huyện Thạnh Phú;*
- *Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê